



BÀI TẬP KIỂM TOÁN

1. Kiểm toán là quá trình:

- Kiểm tra sổ kế toán về những thông tin để xác nhận và báo cáo về sự phù hợp giữa các thông tin đã được định lượng của một tổ chức kinh tế, dựa trên những tiêu chuẩn nhất định, do những kiểm toán viên đủ năng lực và độc lập, thẩm quyền thực hiện.
- Đánh giá bằng chứng về những thông tin để xác nhận và báo cáo về sự phù hợp giữa các thông tin đã được định lượng của một tổ chức kinh tế, dựa trên những tiêu chuẩn nhất định do những kiểm toán viên đủ năng lực và độc lập, thẩm quyền thực hiện.
- Là quá trình thu thập và đánh giá bằng chứng về những thông tin nhằm xác nhận và báo cáo về sự phù hợp giữa các thông tin đã được định lượng của một tổ chức kinh tế, dựa trên những tiêu chuẩn nhất định, do những kiểm toán viên đủ năng lực và độc lập, thẩm quyền thực hiện.
- Là quá trình thu thập và đánh giá bằng chứng về những thông tin nhằm chứng minh và báo cáo về các sai phạm của đơn vị dựa trên những tiêu chuẩn nhất định, do những kiểm toán viên đủ năng lực và độc lập, thẩm quyền thực hiện

2. Chức năng của kiểm toán là:

- Cung cấp các thông tin thích hợp và bày tỏ ý kiến về các thông tin thu thập được.
- Xác minh các thông tin và bày tỏ ý kiến về các thông tin thu thập được, tư vấn.
- Xác minh các thông tin, bày tỏ ý kiến, báo cáo
- Đưa ra ý kiến dựa trên những bằng chứng thu thập được, báo cáo.

3. Đối tượng của kiểm toán là:

- Thực trạng hoạt động tài chính
- Tài liệu kế toán
- Thực trạng tài sản và nghiệp vụ tài chính
- Hiệu quả, hiệu năng
- Tất cả các câu trên đều đúng
- Tất cả các câu trên đều sai.

4. Kiểm toán có tác dụng:

- Tăng độ tin cậy thông tin cho những người quan tâm
- Góp phần nâng cao hiệu quả và năng lực quản lý
- Hướng dẫn nghiệp vụ và củng cố hoạt động tài chính của đơn vị được kiểm toán.
- Các câu trên đều đúng.

Câu hỏi trắc nghiệm môn kiểm toán

5. Phân loại theo người thực hiện, kiểm toán bao gồm:

- a. Kiểm toán độc lập, kiểm toán Nhà nước và kiểm toán tuân thủ.
- b. Kiểm toán độc lập, kiểm toán Nhà nước và kiểm toán nội bộ.
- c. Kiểm toán báo cáo tài chính, kiểm toán tuân thủ và kiểm toán hoạt động.
- d. Kiểm toán báo cáo tài chính, kiểm toán tuân thủ và kiểm toán nội bộ.

6. Điểm khác biệt cơ bản nhất giữa kiểm toán độc lập và kiểm toán nội bộ:

Kiểm toán độc lập phục vụ nhiều đối tượng ngoài đơn vị, kiểm toán nội bộ phục vụ cho người quản lý đơn vị.

Kiểm toán độc lập thường tiến hành sau khi kết thúc niên độ kế toán (khi có BCTC), kiểm toán nội bộ tiến hành bất kỳ lúc nào cần thiết.

C. Kiểm toán độc lập do người bên ngoài đơn vị tiến hành, kiểm toán nội bộ do chính nhân viên đơn vị tiến hành.

Kiểm toán độc lập có thể tiến hành trên toàn bộ phạm vi doanh nghiệp, kiểm toán nội bộ tiến hành giới hạn nhất định như không thể kiểm đến Hội đồng quản trị, Ban giám đốc ...

7. Thí dụ nào sau đây là của kiểm toán tuân thủ:

- a. Kiểm toán việc lập báo cáo tài chính có thực hiện theo đúng các chuẩn mực kế toán không?
- b. Kiểm toán việc chấp hành các điều khoản của hợp đồng tín dụng.
- c. Kiểm toán đơn vị trực thuộc hoạt động có hiệu quả không?
- d. Cả ba câu trên đều đúng.

8. Kiểm toán hoạt động là:

- a. Là việc kiểm tra để xem xét và đánh giá về tính hiệu lực và hiệu quả của một bộ phận, tổ chức nào đó để có biện pháp cải tiến.
- b. Là việc kiểm tra nhằm xác định đơn vị có tuân thủ các thủ tục, quy định của cấp có thẩm quyền không.
- c. Là việc kiểm tra và xác nhận tính trung thực, hợp lý của Báo cáo tài chính
- d. Cả 03 câu trên đều đúng.

9. Kiểm toán Báo cáo tài chính là:

- a. Là việc kiểm tra để xem xét và đánh giá về tính hiệu lực và hiệu quả của một bộ phận, tổ chức nào đó để có biện pháp cải tiến.
- b. Là việc kiểm tra nhằm xác định đơn vị có tuân thủ các tục, quy định của cấp có thẩm quyền không.
- c. Là việc kiểm tra và xác nhận tính trung thực, hợp lý của Báo cáo tài chính



d. Cả 03 câu trên đều đúng.

10. Kiểm toán tuân thủ là:

- a. Là việc kiểm tra để xem xét và đánh giá về tính hiệu lực và hiệu quả của một bộ phận, tổ chức nào đó để có biện pháp cải tiến.
- b. Là việc kiểm tra nhằm xác định đơn vị có tuân thủ các tục, quy định của cấp có thẩm quyền không.
- c. Là việc kiểm tra và xác nhận tính trung thực, hợp lý của Báo cáo tài chính
- d. Cả 03 câu trên đều đúng.

11. Kiểm toán nội bộ là loại kiểm toán:

- a. Do các kiểm toán viên của đơn vị thực hiện.
- b. Do các công chức Nhà nước thực hiện
- c. Do các kiểm toán viên độc lập thực hiện
- d. Các câu trên đều sai
- e. Các câu trên đều đúng.

12. Kiểm toán Nhà nước là loại kiểm toán:

- a. Do các kiểm toán viên của đơn vị thực hiện.
- b. Do các công chức Nhà nước thực hiện
- c. Do các kiểm toán viên độc lập thực hiện
- d. Các câu trên đều sai
- e. Các câu trên đều đúng.

13. Kiểm toán độc lập là loại kiểm toán:

- b. Do các kiểm toán viên của đơn vị thực hiện.
- c. Do các công chức Nhà nước thực hiện
- d. Do các kiểm toán viên độc lập thực hiện
- e. Các câu trên đều sai
- f. Các câu trên đều đúng.

14. Để hoạt động có hiệu quả, kiểm toán nội bộ nên:

- a. Tổ chức trực thuộc phòng kế toán
- b. Trực thuộc Hội đồng quản trị
- c. Trực thuộc Bộ tài chính
- d. Cả 03 câu trên.

15. Để hoạt động có hiệu quả, kiểm toán độc lập nên:

- a. Trực thuộc Hội đồng quản trị

Câu hỏi trắc nghiệm môn kiểm toán

- b. Là một cơ quan thuộc Bộ tài chính
- c. Là một doanh nghiệp hoạt động độc lập.
- d. Câu b, c đều đúng
- e. Cả a, b, c đều sai.

16. Kiểm toán nội bộ của một đơn vị so với chính đơn vị đó là loại kiểm toán:

- a. Độc lập
- b. Khách quan.
- c. Vô tư
- d. 3 câu trên đều sai.

17. Người sử dụng báo cáo tài chính có thể mong đợi hợp lý ở kiểm toán viên độc lập là:

- a. Kiểm tra tất cả mọi nghiệp vụ kinh tế phát sinh để đảm bảo báo cáo tài chính là hoàn toàn chính xác.
- b. Đoán chắc là doanh nghiệp sẽ không phá sản trong ít nhất một năm tới.
- c. Phát hiện và tư vấn cho các nhà quản lý đơn vị sửa chữa mọi khuyết điểm của hệ thống kiểm soát nội bộ.
- d. Đưa ra ý kiến nhận xét trung thực và hợp lý của báo cáo tài chính trên các phương diện trọng yếu.

18. Kiểm toán nhà nước chủ yếu thực hiện:

- a. Kiểm toán hoạt động
- b. Kiểm toán tuân thủ
- c. Kiểm toán báo cáo tài chính
- d. Cả 3 loại kiểm toán trên.

19. Hoạt động nào sau đây không phải là kiểm toán tuân thủ:

- a. Kiểm toán các công ty thành viên về thực hiện quy chế của Tổng công ty.
- b. Kiểm toán một phân xưởng mới để đánh giá hiệu quả hoạt động và đề xuất các biện pháp cải tiến.
- c. Kiểm toán doanh nghiệp theo yêu cầu ngân hàng để chấp hành các điều khoản của hợp đồng tín dụng.
- d. Kiểm toán của cơ quan thuế đối với các doanh nghiệp.

20. Khi doanh nghiệp thuê KTV để kiểm toán báo cáo tài chính của mình, đó là việc làm mang tính chất:

Bắt buộc



Tự nguyện.

Vừa tự nguyện, vừa bắt buộc.

Cả 3 câu trên đều đúng.

21. Kiểm toán độc lập có thể được thuê bởi:

- a. Một kiểm toán viên bất kỳ.
- b. Một kiểm toán viên nhà nước
- c. Cơ quan thuế
- d. Tất cả các trường hợp trên
- e. Không phải một trong các trường hợp trên.

22. Kiểm toán hoạt động thường được thực hiện bởi các kiểm toán viên nội bộ, kiểm toán viên Nhà nước và trong một số trường hợp do các kiểm toán viên độc lập. Mục đích chủ yếu của một cuộc kiểm toán là cung cấp:

- a. Một cách để đảm bảo rằng hệ thống kiểm soát nội bộ về kế toán thì hoạt động đúng như hoạch định.
- b. Một sự đánh giá công việc quản lý trong việc đáp ứng các mục tiêu của tổ chức.
- c. Kết quả của một cuộc kiểm tra nội bộ về những vấn đề tài chính kế toán cho các nhà quản trị cấp cao của đơn vị.
- d. Giúp đỡ các kiểm toán viên độc lập trong việc thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính.

23. Sự khác biệt cơ bản giữa kiểm toán độc lập và kiểm toán nội bộ là:

- a. Kiểm toán độc lập phục vụ cho đối tượng bên ngoài đơn vị, kiểm toán nội bộ phục vụ cho quản lý đơn vị.
- b. Kiểm toán độc lập có thu phí, kiểm toán nội bộ không thu phí.
- c. Kiểm toán độc lập tiến hành sau khi kết thúc niên độ, kiểm toán nội bộ tiến hành bất kỳ lúc nào cần thiết.
- d. Kiểm toán độc lập do người bên ngoài đơn vị tiến hành, kiểm toán nội bộ do chính các nhân viên đơn vị tiến hành.

24. Kiểm toán là một hoạt động tồn tại tất yếu khách quan dù trong nền kinh tế thị trường tư bản chủ nghĩa hay nền kinh tế thị trường có định hướng xã hội chủ nghĩa.

- a. Đúng
- b. Sai
- c. Không phải một trong 2 phương án a, b.

Câu hỏi trắc nghiệm môn kiểm toán

25. Giá trị thông tin của các loại kiểm toán (kiểm toán độc lập, kiểm toán nhà nước, kiểm toán nội bộ) đem lại có giá trị pháp lý hoàn toàn như nhau.
- Đúng
 - Sai
 - Không phải một trong 2 phương án a, b.
26. Cơ sở dẫn liệu nào cho biết những người vay có thể trả được nợ.
- Có thật.
 - Đã ghi chép và cộng dồn.
 - Đã tính toán và đánh giá.
27. Cơ sở dẫn liệu nào cho biết hàng tồn kho thuộc sở hữu của doanh nghiệp?
- Có thật.
 - Đã tính toán và đánh giá.
 - Đã ghi chép và cộng dồn.
28. Với một cơ sở dẫn liệu, kiểm toán viên chỉ cần một loại bằng chứng kiểm toán
- Đúng
 - Sai
 - Không phải một trong 2 phương án a, b.
29. Mục tiêu của hệ thống kiểm soát nội bộ của doanh nghiệp là:
- Kiểm tra tính chính xác và tin cậy của số liệu kế toán.
 - Phát hiện gian lận quản lý.
 - Bảo vệ tài sản của đơn vị.
 - Cả ba câu trên đều đúng.
30. Hệ thống kiểm soát nội bộ được thiết lập để:
- Phục vụ cho bộ phận kiểm toán nội bộ.
 - Thực hiện chế độ quản lý tài chính kế toán của Nhà nước.
 - Thực hiện các mục tiêu của nhà quản lý.
 - Giúp kiểm toán viên độc lập dễ lập kế hoạch kiểm toán.
31. Điều gì sau đây không đúng với khái niệm kiểm soát nội bộ:
- Do mối quan hệ giữa lợi ích và chi phí nên đơn vị chỉ có thể thực hiện thủ tục kiểm soát trên cơ sở chọn mẫu.
 - Các nghiệp vụ phải được ủy quyền một cách đúng đắn.
 - Các thủ tục kiểm soát đảm bảo không có sự thông đồng giữa các nhân viên trong đơn vị.



- d. Không một cá nhân nào được giao trách nhiệm bảo quản tài sản, vừa ghi chép kế toán đối với tài sản đó.

32. Hệ thống kiểm soát nội bộ:

- a. Chỉ cần thiết đối với các doanh nghiệp lớn.
- b. Không cần thiết đối với các doanh nghiệp tư nhân.
- c. Cần thiết đối với mọi tổ chức mà có từ hai người trở lên.

33. Kiểm toán viên tiến hành xem xét hệ thống kiểm soát nội bộ của đơn vị chủ yếu nhằm:

- a. Xác định phương hướng và phạm vi thực hiện các thử nghiệm cơ bản.
- b. Phát hiện các sai sót và gian lận của nhân viên đơn vị để thông báo cho đơn vị biết bằng "thư quản lý".
- c. Chấp hành các chuẩn mực kiểm toán.
- d. Đánh giá công việc quản lý và đề xuất các biện pháp cải tiến.

31. Kiểm toán viên tiến hành xem xét hệ thống kiểm soát nội bộ của đơn vị nhằm mục đích chính:

- a. Tuân thủ yêu cầu của chuẩn mực kiểm toán.
- b. Đánh giá kết quả của công việc quản lý.
- c. Duy trì một thái độ độc lập với các vấn đề liên quan đến cuộc kiểm toán.
- d. Xác định nội dung, thời gian, phạm vi của công việc kiểm toán.

32. Kiểm toán viên có thể kiểm tra hệ thống kiểm soát nội bộ bằng cách:

- a. Điều tra
- b. Kiểm tra chứng từ
- c. Quan sát
- d. Làm lại
- e. Cả 4 câu trên.

33. Hệ thống kiểm soát nội bộ là các quy định và thủ tục do:

- a. Đơn vị xây dựng và áp dụng
- b. Công ty kiểm toán xây dựng và đơn vị áp dụng
- c. Nhà nước quy định và bắt buộc đơn vị phải áp dụng.
- d. Cả ba câu trên đều đúng.

34. Bộ phận nào thuộc hệ thống kiểm soát nội bộ:

- a. Rủi ro kiểm toán
- b. Môi trường kiểm soát

Câu hỏi trắc nghiệm môn kiểm toán

- c. Hệ thống kế toán
- d. Cả 3 câu trên.

35. Các hệ thống kiểm soát nội bộ thì:

- a. Được xây dựng hoàn hảo thì không có bất kỳ rủi ro nào.
- b. Dù được xây dựng hoàn hảo đến đâu đều cũng có rủi ro
- c. Câu a, b đều đúng
- d. Câu a, b đều sai.

36. Môi trường kiểm soát là:

- a. Nhận thức, quan điểm, sự quan tâm và hoạt động của nhà quản lý đối với hệ thống kiểm soát nội bộ nhằm tạo sắc thái chung cho toàn bộ đơn vị.
- b. Là các quy chế, thủ tục do đơn vị lập và thực hiện nhằm mục tiêu quản lý cụ thể.
- c. Là các quy định về kế toán và các thủ tục kế toán đơn vị áp dụng và thực hiện
- d. Cả 03 câu trên đều đúng.

37. Vì sao kiểm toán viên phải nghiên cứu hệ thống kiểm soát nội bộ?

- a. Đây là quy định bắt buộc của kiểm toán quốc tế.
- b. Để đánh giá mức độ rủi ro kiểm soát
- c. Cả hai trường hợp trên.
- d. Không phải 1 trong các trường hợp trên.

38. Chính sách phát triển và huấn luyện đội ngũ nhân viên liên quan đến bộ phận nào sau đây của hệ thống kiểm soát nội bộ:

- a. Hoạt động kiểm soát.
- b. Môi trường kiểm soát.
- c. Thông tin và truyền thông.
- d. Hệ thống kiểm soát chất lượng.

39. Khi nghiên cứu và đánh giá hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán viên không bắt buộc phải:

- a. Điều tra mọi khiếm khuyết của hệ thống kiểm soát nội bộ.
- b. Tìm hiểu môi trường kiểm soát và hệ thống kế toán.
- c. Xác định liệu các thủ tục kiểm soát được thiết kế liệu có được thực hiện trong thực tế .
- d. Thực hiện các thủ tục kiểm soát để xem xét hệ thống kế toán có hoạt động hữu hiệu trong suốt thời kỳ xem xét không.

40. Hệ thống kiểm soát nội bộ có thể gặp các hạn chế vì:

Câu hỏi trắc nghiệm môn kiểm toán

- a. Các biện pháp kiểm tra thường nhằm vào các sai phạm dự kiến trước chứ không phải các trường hợp ngoại lệ.
- b. Nhân viên thiếu thận trọng, sao lãng hoặc hiểu sai các chỉ dẫn.
- c. Sự thông đồng của một số nhân viên.
- d. Tất cả các câu trên.

41. Câu nào dưới đây không phải là bộ phận hợp thành của hệ thống kiểm soát nội bộ:

- a. Rủi ro kiểm toán.
- b. Hoạt động kiểm soát.
- c. Thông tin và truyền thông.
- d. Môi trường kiểm soát.

42. Kiểm toán viên xem xét, tìm hiểu hệ thống kiểm soát nội bộ của khách hàng để:

- a. Thực hiện các thử nghiệm chi tiết.
- b. Hiểu biết về tình hình kinh doanh của khách hàng.
- c. Thực hiện các thử nghiệm kiểm soát.
- d. Đánh giá rủi ro kiểm soát.

43. Tại một doanh nghiệp, Ban giám đốc đơn vị đề ra quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của phòng kinh doanh trong công ty, quy định này thuộc bộ phận nào của hệ thống kiểm soát nội bộ:

- a. Hệ thống kế toán
- b. Môi trường kiểm soát
- c. Thủ tục kiểm soát
- d. Cả 3 câu trên đều đúng

44. Đặc tính nào trong những đặc tính của hệ thống kiểm soát nội bộ hiệu quả mà chúng ta sẽ vi phạm bởi việc cho phép một nhân viên, người vừa làm thủ kho đồng thời vừa làm kế toán kho hàng:

- a. Con người có khả năng và đáng tin cậy.
- b. Phân quyền rõ ràng.
- c. Phân chia trách nhiệm.
- d. Tách biệt các nhiệm vụ.

45. Thông tin về những yếu kém của hệ thống kiểm soát nội bộ do kiểm toán viên gửi cho đơn vị:

Câu hỏi trắc nghiệm môn kiểm toán

- a. Phải trình bày mọi yếu kém của hệ thống kiểm soát nội bộ.
- b. Là mục tiêu chính của việc xem xét hệ thống kiểm soát nội bộ của đơn vị.
- c. Là vấn đề phụ của việc tìm hiểu và đánh giá hệ thống kiểm soát nội bộ.
- d. Câu a và câu c đúng.

46. Khi xây dựng hệ thống kiểm soát nội bộ, doanh nghiệp cần tôn trọng các nguyên tắc như phân công phân nhiệm, kiểm tra độc lập, ủy quyền, phê chuẩn là:

- a. Đúng
- b. Sai.
- c. Không liên quan.
- d. Không cần thiết.

47. Kiểm toán viên phải báo cáo bất kỳ thiếu sót nào của hệ thống kiểm soát nội bộ mà mình đã phát hiện ra cho nhà quản lý công ty biết:

- a. Đúng
- b. Sai.
- c. Không liên quan.
- d. Không cần thiết.

48. Kiểm toán viên không thể tin cậy hệ thống kiểm soát nội bộ trong một môi trường kiểm soát yếu:

- a. Đúng
- b. Sai.
- c. Không liên quan.
- d. Không cần thiết.

49. Theo chuẩn mực kiểm toán, gian lận là những hành vi:

- a. Sai phạm cố chủ ý
- b. Che giấu doanh thu và lợi tức
- c. Cố tình hạch toán sai quy định
- d. 3 câu trên đều sai

50. Trách nhiệm của KTV trong việc phát hiện gian lận là:

- a. Xem xét các gian lận có ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính.
- b. Điều tra xem các hành vi gian lận để xử lý theo pháp luật.
- c. Nếu có gian lận phải báo cáo với Ban giám đốc để xử lý
- d. Cả 3 câu trên đều đúng.

51. Các sự kiện có thể làm gia tăng rủi ro xảy ra gian lận và sai sót là:



Câu hỏi trắc nghiệm môn kiểm toán

- a. Các nhà quản lý lẫn tránh trả lời hoặc trả lời không hợp lý các yêu cầu của kiểm toán viên.
- b. Phát hành nhiều nghiệp vụ liên quan với các bên hữu quan
- c. Giám đốc tài chính có thu nhập cao
- d. Câu a và c đều đúng
- e. Cả 3 câu a, b, c đều đúng.

52. Đối với gian lận thì:

- a. Trách nhiệm của kiểm toán viên để báo cáo với các cơ quan pháp luật
- b. Trách nhiệm của đơn vị là ngăn ngừa và phát hiện gian lận thông qua việc duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ.
- c. Nhà quản lý không nên quan tâm đến việc tuân thủ pháp luật
- d. Câu a, b đều đúng.

53. Kiểm toán viên phải báo cáo bất kỳ sai sót nào của bộ phận kế toán mà mình đã phát hiện ra cho Giám đốc công ty biết là ...:

- a. Hợp lý.
- b. Không hợp lý.
- c. Không liên quan.
- d. Không cần thiết.

54. Trong các câu sau đây, câu nào đúng với khái niệm trọng yếu:

- a. Trọng yếu được xác định bằng cách tham khảo các hướng dẫn của chuẩn mực kiểm toán.
- b. Trọng yếu chỉ phụ thuộc vào số tiền của vấn đề được xem xét trong mối quan hệ với các khoản mục khác trên báo cáo tài chính.
- c. Trọng yếu phụ thuộc vào bản chất của khoản mục hơn là số tiền của khoản mục.
- d. Trọng yếu là vấn đề thuộc lãnh vực nghề nghiệp. •

55. Một vấn đề trở nên trọng yếu nếu:

- a. Làm cho người sử dụng báo cáo tài chính nhận xét hoặc quyết định sai.
- b. Có số tiền lớn hơn một tỷ đồng.
- c. Được cơ quan thuế bảo là quan trọng.
- d. Cả 3 câu trên đều đúng.

56. Một vấn đề trở nên trọng yếu nếu:

- a. Là một gian lận của bộ phận kế toán mà làm sai lệch bản chất tài chính của vấn đề.

Câu hỏi trắc nghiệm môn kiểm toán

- b. Có số tiền lớn hơn mức lương hàng tháng của Giám đốc công ty.
- c. Là sai sót được các kiểm toán viên phát hiện.
- d. Cả 3 câu trên đều đúng.

57. Một vấn đề trở nên trọng yếu nếu:

- a. Là bất kỳ khoản chi không hợp lý, hợp lệ nào mà cán bộ thuế xuất toán khi duyệt quyết toán.
- b. Được kiểm toán viên cho là có ảnh hưởng nghiêm trọng đến vấn đề đang xem xét.
- c. Là bất kỳ sai sót nào mà nhân viên kế toán cố tình che giấu.
- d. Cả 3 câu trên đều đúng.

58. Một cuộc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán chịu ảnh hưởng bởi khả năng có những sai sót trọng yếu, kiểm toán viên cần tiến hành với một tinh thần:

- a. Nhiệt tình nghề nghiệp.
- b. Ủng hộ sự bảo thủ.
- c. Xét đoán khách quan.
- d. Cảnh giác nghề nghiệp.

59. Các phát biểu nào sau đây không đúng về trọng yếu:

- a. Khi sai phạm một số tiền lớn
- b. Thông tin không chính xác sẽ ảnh hưởng đến quyết định của người sử dụng thông tin.
- c. Tầm quan trọng của thông tin
- d. Các câu trên đều sai.

60. Trọng yếu là:

- a. Sai sót có thể bỏ qua
- b. Là tầm quan trọng của một thông tin
- c. Thông tin không chính xác sẽ ảnh hưởng đến quyết định của người sử dụng
- d. Câu a và c đúng
- e. Câu b và c đúng.

61. Tính trọng yếu được xem xét căn cứ vào:

- a. Bản chất của thông tin
- b. Định lượng (một giới hạn cho phép)
- c. Cả 02 câu trên đều đúng
- d. Cả 02 câu trên đều sai.

62. Một vấn đề trở nên trọng yếu khi:

- a. Ảnh hưởng đến việc lập, sử dụng và nhận xét báo cáo tài chính.
- b. Sai sót từ 100.000.000 đ trở lên
- c. Là một sai phạm do KTV phát hiện
- d. Cơ quan thuế cho đó là một vấn đề quan trọng

63. Rủi ro kiểm toán là loại rủi ro:

- a. Khi kiểm toán viên nhận xét rằng báo cáo tài chính của đơn vị được trình bày trung thực và hợp lý.
- b. Khi kiểm toán viên không phát hiện được tất cả các sai sót trong công tác kế toán tại đơn vị.
- c. Khi kiểm toán viên đưa ra nhận xét không xác đáng về báo cáo tài chính và gặp phải sai sót trọng yếu.
- d. Cả ba câu trên đều sai.

64. Rủi ro phát hiện sẽ tăng lên nếu:

- a. Rủi ro tiềm tàng và rủi ro kiểm soát được đánh giá là cao hơn.
- b. Giảm bớt thử nghiệm cơ bản.
- c. Thực hiện các thử nghiệm kiểm soát.
- d. Mở rộng phạm vi thực hiện các thủ tục kiểm toán.

65. Thí dụ nào sau đây là của rủi ro phát hiện:

- a. Những thiếu sót trong thực hiện các thủ tục kiểm soát.
- b. Sự áp dụng các thủ tục kiểm toán không phù hợp với mục tiêu kiểm toán.
- c. Sự thay đổi trong phương thức kinh doanh dẫn đến việc gia tăng khả năng sai sót của khoản mục.
- d. Cả ba câu trên đều đúng.

66. Khách hàng kinh doanh loại hàng dễ bị lỗi thời. Tình huống này liên quan đến loại rủi ro gì?

- a. Rủi ro tiềm tàng.
- b. Rủi ro kiểm soát.
- c. Rủi ro phát hiện.
- d. Rủi ro kiểm toán.

67. Bộ máy nhân sự của khách hàng ít người nên buộc phải thực hiện việc kiểm nhiệm trong một số khâu thừa hành và kiểm tra. Tình huống này liên quan đến loại rủi ro gì?

- a. Rủi ro tiềm tàng.

Câu hỏi trắc nghiệm môn kiểm toán

- b. Rủi ro kiểm soát.
- c. Rủi ro phát hiện.
- d. Rủi ro kiểm toán.

68. Kiểm toán viên đã không kiểm tra lại các bảng tính khấu hao. Tình huống này liên quan đến loại rủi ro gì?:

- a. Rủi ro tiềm tàng.
- b. Rủi ro kiểm soát.
- c. Rủi ro phát hiện.
- d. Rủi ro kiểm toán.

69. Một giá trị trọng yếu hàng tồn kho bị lỗi thời của khách hàng không được lập dự phòng giảm giá nhưng kiểm toán viên đã phát hành báo cáo kiểm toán “chấp nhận toàn bộ”. Tình huống này liên quan đến loại rủi ro gì?

- a. Rủi ro tiềm tàng.
- b. Rủi ro kiểm soát.
- c. Rủi ro phát hiện.
- d. Rủi ro kiểm toán.

70. Rủi ro kiểm toán là rủi ro do:

- a. KTV đưa ra ý kiến nhận xét sai khi có những sai sót trọng yếu.
- b. Công ty kiểm toán đưa ra ý kiến nhận xét sai khi có những sai sót trọng yếu.
- c. Những rủi ro tiềm ẩn bên trong
- d. Những rủi ro do thiết lập cấu trúc không phù hợp, nên không ngăn chặn được những sai sót.

71. Rủi ro kiểm toán là rủi ro do:

- a. KTV đưa ra ý kiến nhận xét sai khi có những sai sót trọng yếu.
- b. Công ty kiểm toán đưa ra ý kiến nhận xét sai khi có những sai sót trọng yếu.
- c. Câu a và b đều đúng
- d. Câu a và b đều sai.

72. Do thiếu kiểm tra thông tin nên KTV độc lập nhận định sai, đó là ví dụ về:

- a. Rủi ro tiềm tàng
- b. Rủi ro kiểm soát
- c. Rủi ro kiểm toán
- d. Cả 3 câu đều sai.

73. Hãy chọn ví dụ về rủi ro tiềm tàng trong các trường hợp sau:

Nguyễn Trọng Phương

Câu hỏi trắc nghiệm môn kiểm toán

- a. Thiếu giám sát việc thực hiện chương trình kiểm toán của trợ lý
- b. Xây dựng hệ thống nội bộ tốt nhưng thay đổi nhân sự quá nhiều trong quá trình vận hành hệ thống đó.
- c. Các sản phẩm của doanh nghiệp dễ bị cạnh tranh
- d. Ghi sót một số hóa đơn bán hàng.

74. Hãy chọn ví dụ về rủi ro kiểm soát trong các trường hợp sau:

- a. Thiếu giám sát việc thực hiện chương trình kiểm toán của trợ lý
- b. Xây dựng hệ thống nội bộ tốt nhưng thay đổi nhân sự quá nhiều trong quá trình vận hành hệ thống đó.
- c. Các sản phẩm của doanh nghiệp dễ bị cạnh tranh
- d. KTV thiếu kiểm tra thông tin do trợ lý kiểm toán thu thập được

75. Hãy chọn ví dụ về rủi ro phát hiện trong các trường hợp sau:

- a. Sự thay đổi thường xuyên của Nhà nước về môi trường kinh doanh
- b. Xây dựng hệ thống nội bộ tốt nhưng thay đổi nhân sự quá nhiều trong quá trình vận hành hệ thống đó.
- c. Các sản phẩm của doanh nghiệp dễ bị cạnh tranh
- d. KTV thiếu kiểm tra thông tin do trợ lý kiểm toán thu thập được

76. Hãy chọn ví dụ về rủi ro tiềm tàng:

- a. Những tài sản quý giá
- b. Quan điểm, nhận thức của nhà quản lý về phương thức tổ chức, trách nhiệm quyền hạn của các bộ phận
- c. Kiểm toán viên áp dụng phương pháp kiểm toán sai
- d. Kiểm toán viên có nhận xét không đúng về Báo cáo tài chính

77. Hãy chọn ví dụ về rủi ro kiểm soát:

- a. Những tài sản quý giá
- b. Quan điểm, nhận thức của nhà quản lý về phương thức tổ chức, trách nhiệm quyền hạn của các bộ phận.
- c. Kiểm toán viên áp dụng phương pháp kiểm toán sai.
- d. Kiểm toán viên có nhận xét không đúng về Báo cáo tài chính.

78. Hãy chọn ví dụ về rủi ro phát hiện:

- a. Những tài sản quý giá
- b. Quan điểm, nhận thức của nhà quản lý về phương thức tổ chức, trách nhiệm quyền hạn của các bộ phận

Câu hỏi trắc nghiệm môn kiểm toán

- c. Kiểm toán viên áp dụng phương pháp kiểm toán sai
- d. Kiểm toán viên có nhận xét không đúng về Báo cáo tài chính

79. Hãy chọn ví dụ về rủi ro kiểm toán :

- a. Những tài sản quý giá
- b. Quan điểm, nhận thức của nhà quản lý về phương thức tổ chức, trách nhiệm quyền hạn của các bộ phận
- c. Kiểm toán viên áp dụng phương pháp kiểm toán sai
- d. Kiểm toán viên có nhận xét không đúng về Báo cáo tài chính

80. Trong quá trình tìm hiểu hệ thống kiểm soát nội bộ, do không nhận thấy hệ thống kiểm soát nội bộ của đơn vị có điểm yếu nào, nên kiểm toán viên có thể đánh giá:

- a. Rủi ro tiềm tàng bằng 0 (không)
- b. Rủi ro kiểm soát bằng 0 (không)
- c. Cả 02 câu đều đúng
- d. Cả 02 câu đều sai.

81. Trước khi tiến hành kiểm toán, kiểm toán viên tiến hành tìm hiểu hệ thống kiểm soát nội bộ, và nhận xét rằng hệ thống kiểm soát nội bộ rất hoàn hảo, nên kiểm toán viên:

- a. Đánh giá rủi ro tiềm tàng bằng không (0)
- b. Đánh giá rủi ro kiểm soát bằng không (0)
- c. Không tiến hành thu thập bằng chứng và phát hành báo cáo kiểm toán “chấp nhận toàn phần”
- d. Lập kế hoạch kiểm toán ngắn, phạm vi kiểm toán ít.

82. Bộ phận nào thuộc rủi ro kiểm toán:

- a. Rủi ro kiểm soát
- b. Rủi ro phát hiện
- c. Rủi ro tiềm tàng
- d. Cả 3 loại rủi ro trên

83. Rủi ro tiềm tàng là rủi ro xảy ra khi những sai sót trọng yếu:

- a. Thuộc bản thân vốn có của từng khoản mục, nghiệp vụ;
- b. Do hệ thống kế toán và hệ thống kiểm soát nội bộ không ngăn ngừa, không phát hiện, không sửa chữa kịp thời
- c. Do KTV và công ty kiểm toán không phát hiện được;

Câu hỏi trắc nghiệm môn kiểm toán

- d. Cả 3 câu a, b, c trên đều đúng;
- e. Cả 3 câu a, b, c đều sai.

84. Rủi ro kiểm soát là rủi ro xảy ra khi những sai sót trọng yếu:

- a. Thuộc bản thân vốn có của từng khoản mục, nghiệp vụ;
- b. Do hệ thống kế toán và hệ thống kiểm soát nội bộ không ngăn ngừa, không phát hiện, không sửa chữa kịp thời
- c. Do KTV và công ty kiểm toán không phát hiện được;
- d. Cả 3 câu a, b, c trên đều đúng;
- e. Cả 3 câu a, b, c đều sai.

85. Rủi ro kiểm soát là rủi ro xảy ra khi những sai sót trọng yếu:

- a. Thuộc bản thân vốn có của từng khoản mục, nghiệp vụ;
- b. Do hệ thống kế toán và hệ thống kiểm soát nội bộ không ngăn ngừa, không phát hiện, không sửa chữa kịp thời
- c. Do KTV và công ty kiểm toán không phát hiện được;
- d. Kiểm toán viên đưa ra nhận định sai về thông tin được kiểm toán.

86. Rủi ro phát hiện là rủi ro xảy ra khi những sai sót trọng yếu:

- a. Thuộc bản thân vốn có của từng khoản mục, nghiệp vụ;
- b. Do hệ thống kế toán và hệ thống kiểm soát nội bộ không ngăn ngừa, không phát hiện, không sửa chữa kịp thời
- c. Do KTV và công ty kiểm toán không phát hiện được;
- d. Cả 3 câu a, b, c trên đều đúng;
- e. Cả 3 câu a, b, c đều sai.

87. Loại rủi ro nào dưới đây là khách quan đối với KTV độc lập:

- a. Rủi ro tiềm tàng, rủi ro kiểm soát
- b. Rủi ro tiềm tàng, rủi ro kiểm soát, rủi ro phát hiện
- c. Rủi ro kiểm soát và rủi ro kiểm toán
- d. Rủi ro tiềm tàng, rủi ro kiểm soát, rủi ro kiểm toán.

88. Khi KTV đánh giá rủi ro kiểm soát thấp, rủi ro tiềm tàng cao thì rủi ro phát hiện:

- a. Thấp nhất;
- b. Thấp;
- c. Trung bình;
- d. Cao;

Câu hỏi trắc nghiệm môn kiểm toán

- e. Cao nhất.
- 89. Khi KTV đánh giá rủi ro kiểm soát thấp, rủi ro tiềm tàng thấp thì rủi ro phát hiện:**
- a. Thấp nhất;
 - b. Thấp;
 - c. Trung bình;
 - d. Cao;
 - e. Cao nhất.
- 90. Rủi ro kiểm toán ở mức độ từng khoản mục được dùng để:**
- a. Tổng hợp ra mức độ rủi ro ở mức độ báo cáo tài chính.
 - b. Quyết định mức độ trọng yếu của khoản mục.
 - c. Lựa chọn mức rủi ro phát hiện trên cơ sở đánh giá rủi ro tiềm tàng và rủi ro kiểm soát.
 - d. Cả ba câu trên đều sai.
- 91. Khi KTV đánh giá rủi ro kiểm soát cao, rủi ro tiềm tàng cao thì rủi ro phát hiện:**
- a. Thấp nhất
 - b. Thấp
 - c. Trung bình
 - d. Cao
 - e. Cao nhất.
-
- 92. Cơ sở dẫn liệu là:**
- a. Các giải trình của nhà quản lý về các dữ liệu được trình bày trên báo cáo tài chính
 - b. Các yêu cầu của nhà quản lý
 - c. Các mục tiêu nhà quản lý phải đạt tới
 - d. Các chứng minh mà kiểm toán viên thu thập được từ quá trình kiểm toán.
- 93. KTV thường đánh giá rủi ro kiểm soát ở mức độ cao đối với một hay tất cả các cơ sở dẫn liệu trong trường hợp :**
- a. Khi KTV cho rằng các thủ tục kiểm soát của đơn vị đối với một hoặc tất cả các cơ sở dẫn liệu đó đều không có tác dụng.
 - b. Khi KTV không có đầy đủ cơ sở đánh giá tác dụng của các thủ tục và biện pháp kiểm soát ở đơn vị.
 - c. Cả a và b
-



d. Hoặc a, hoặc b

94. Khi tiến hành kiểm toán nợ phải thu khách hàng, KTV kiểm tra khả năng thu hồi của những món nợ trễ hạn, đó là tiêu chuẩn của cơ sở dẫn liệu về:

- a. Sự đánh giá;
- b. Sự đầy đủ;
- c. Sự phát sinh;
- d. Sự hiện hữu.

95. Phương pháp nào thuộc yêu cầu hiện hữu:

- a. Tiến hành kiểm kê;
- b. Kiểm tra trực tiếp trên chứng từ gốc;
- c. Kiểm tra quyền sở hữu tài sản;
- d. Kiểm tra các nghiệp vụ xảy ra

96. Thủ tục nào thuộc yêu cầu phát sinh:

- a. Tiến hành kiểm kê;
- b. Kiểm tra trực tiếp trên chứng từ gốc;
- c. Kiểm tra quyền sở hữu tài sản;
- d. Kiểm tra các nghiệp vụ xảy ra

97. Thủ tục nào thuộc yêu cầu quyền và nghĩa vụ:

- a. Tiến hành kiểm kê;
- b. Kiểm tra trực tiếp trên chứng từ gốc;
- c. Kiểm tra quyền sở hữu tài sản;
- d. Kiểm tra các nghiệp vụ xảy ra

98. Thủ tục nào thuộc yêu cầu đầy đủ:

- a. Tiến hành kiểm kê;
- b. Kiểm tra trực tiếp trên chứng từ gốc;
- c. Kiểm tra quyền sở hữu tài sản;
- d. Kiểm tra các nghiệp vụ xảy ra

99. Mọi khoản thu đều phải được ghi chép là tiêu chuẩn về:

- a. Sự đầy đủ;
- b. Sự ghi chép chính xác;
- c. Sự phát sinh;
- d. Sự đánh giá.

100. Bảng chứng kiểm toán là:

Nguyễn Trọng Phương

Câu hỏi trắc nghiệm môn kiểm toán

- a. Mọi thông tin tài chính của doanh nghiệp.
 - b. Tài liệu chứng minh cho ý kiến nhận xét về báo cáo tài chính của kiểm toán viên.
 - c. Bằng chứng về bất kỳ gian lận và sai sót nào của doanh nghiệp.
 - d. Cả ba câu trên đều đúng.
- 101. Bằng chứng kiểm toán là những bằng chứng:**
- a. Liên quan đến cuộc kiểm toán;
 - b. Liên quan đến Ban lãnh đạo của đơn vị;
 - c. Liên quan đến quá trình kiểm tra của cơ quan thuế;
 - d. Liên quan đến các quy định của nhà nước
- 102. Trong các bằng chứng sau đây, loại nào có độ tin cậy thấp nhất:**
- a. Hóa đơn nhà cung cấp của đơn vị đã được duyệt khấu trừ (hoặc hoàn) thuế GTGT.
 - b. Hóa đơn bán hàng của đơn vị (liên lưu)
 - c. Biên bản kiểm kê của đơn vị có chữ ký của kiểm toán viên.
 - d. Thư xác nhận của ngân hàng gửi trực tiếp cho kiểm toán viên.
- 103. Loại nào trong các bằng chứng kiểm toán sau đây được kiểm toán viên đánh giá có độ tin cậy cao nhất:**
- a. Hóa đơn của đơn vị có chữ ký của khách hàng.
 - b. Xác nhận công nợ của đơn vị được gửi qua bưu điện trực tiếp đến kiểm toán viên.
 - c. Hóa đơn của người bán lưu giữ tại đơn vị.
 - d. Thư giải trình của nhà quản lý đơn vị xác nhận đã cung cấp đầy đủ chứng từ cho kiểm toán viên.
- 104. Trong các bằng chứng sau đây, loại bằng chứng tài liệu nào được kiểm toán viên coi là có độ tin cậy cao nhất:**
- a. Kiểm tra vật chất do kiểm toán viên tiến hành.
 - b. Các bảng tính toán của kiểm toán viên từ dữ liệu do đơn vị cung cấp.
 - c. Xác nhận gửi trực tiếp cho kiểm toán viên.
 - d. Có tài liệu có nguồn gốc bên ngoài đơn vị.
- 105. Trong các bằng chứng sau đây, loại bằng chứng tài liệu nào được kiểm toán viên coi là có độ tin cậy thấp nhất:**
- a. Hóa đơn của người bán lưu giữ tại đơn vị.
 - b. Hóa đơn bán hàng của đơn vị.

Câu hỏi trắc nghiệm môn kiểm toán

- c. Các trao đổi với nhân viên đơn vị.
d. Xác nhận của ngân hàng gửi trực tiếp cho kiểm toán viên.
- 106. Thư quản lý là sản phẩm của chức năng:**
a. Xác minh
b. Bày tỏ ý kiến
c. Tư vấn
d. Cả 3 chức năng trên của kiểm toán
- 107. Tài liệu làm việc của kiểm toán viên có thể thay thế chứng từ của khách hàng được không?**
☒ a. Không thể
b. Có thể
c. Có thể khi được cơ quan tài chính cho phép.
- 108. Thu thập bằng chứng kiểm toán để KTV:**
☒ a. Hình thành nên ý kiến về báo cáo kiểm toán;
b. Phát hiện sai phạm để chuyển cho cơ quan điều tra;
c. Phát hiện sai phạm và báo cáo với lãnh đạo đơn vị;
d. Phát hiện sai phạm, từ đó sẽ bán cổ phiếu mà mình nắm giữ nhằm hạn chế rủi ro.
- 109. Kiểm kê tài sản cố định của đơn vị sẽ cung cấp bằng chứng về:**
a. Sự chính xác giá trị của TSCĐ hiện có;
b. Sự tồn tại của TSCĐ hiện thời;
c. Các TSCĐ thuộc quyền sở hữu của đơn vị
d. Các TSCĐ được khai báo đầy đủ.
- 110. Thư trả lời của khách hàng xác nhận đồng ý về số nợ, đó là bằng chứng về:**
a. Khả năng thu hồi về món nợ;
b. Khoản phải thu đó được đánh giá đúng;
c. Thời gian trả món nợ được ghi nhận đúng;
d. 3 câu trên đều sai.
- 111. Thu thập bằng chứng kiểm toán để KTV:**
a. Hình thành nên ý kiến về báo cáo kiểm toán;
b. Phát hiện sai phạm để chuyển cho cơ quan điều tra;
c. Phát hiện sai phạm và báo cáo với lãnh đạo đơn vị;
d. Các câu trên đều sai.
- 112. Bằng chứng kiểm toán là những bằng chứng:**
-

Nguyễn Trọng Phương

Câu hỏi trắc nghiệm môn kiểm toán

- a. Liên quan đến cuộc kiểm toán;
 - b. Liên quan đến Ban lãnh đạo của đơn vị;
 - c. Liên quan đến quá trình kiểm tra của cơ quan thuế;
 - d. Các câu trên đều sai.
- 113. Bằng chứng nào sau đây có độ tin cậy cao nhất:**
- a. Thư xác nhận của ngân hàng;
 - b. Phiếu nhập kho;
 - c. Hoá đơn mua hàng;
 - d. Ủy nhiệm chi.
- 114. Bằng chứng nào sau đây có độ tin cậy thấp nhất:**
- a. Thư xác nhận của ngân hàng;
 - b. Phiếu nhập kho;
 - c. Hoá đơn mua hàng;
 - d. Ủy nhiệm chi.
- 115. Bằng chứng nào có độ tin cậy cao nhất:**
- a. Chứng kiến kiểm kê;
 - b. Hình chụp tài sản;
 - c. Văn bản trả lời của đơn vị.
 - d. Bảng ghi âm các trả lời của đơn vị.
- 116. Sự đầy đủ của bằng chứng kiểm toán phụ thuộc vào:**
- a. Tính thích hợp của bằng chứng;
 - b. Tính trọng yếu;
 - c. Mức rủi ro;
 - d. Cả ba câu trên.
- 117. Khi kiểm toán khấu hao TSCĐ, KTV lập bảng tính khấu hao, đó là việc thu thập bằng chứng bằng phương pháp:**
- a. Kiểm kê;
 - b. Quan sát;
 - c. Xác nhận;
 - d. Tính toán;
 - e. Phân tích.
- 118. Trong thứ tự sau đây về độ tin cậy của bằng chứng kiểm toán, thứ tự nào đúng:**

Câu hỏi trắc nghiệm môn kiểm toán

- a. Thứ giải trình của nhà quản lý > bằng chứng xác nhận > bằng chứng nội bộ đơn vị cung cấp.
- b. Bằng chứng xác nhận > bằng chứng vật chất > bằng chứng phỏng vấn.
- c. Bằng chứng vật chất > bằng chứng xác nhận > bằng chứng nội bộ đơn vị cung cấp.
- d. Cả ba câu trên đều sai.

119. Việc kiểm tra tài liệu của một nghiệp vụ từ khi phát sinh đến khi vào sổ sách cho bằng chứng về:

- a. Các nghiệp vụ ghi chép trên sổ sách có thực.
- b. Sổ sách ghi chép đầy đủ các nghiệp vụ phát sinh.
- c. Sự chính xác của số liệu trên sổ kế toán.
- d. Cả ba câu trên đều đúng.

120. Khi thu thập bằng chứng kiểm toán từ hai nguồn khác nhau mà cho kết quả khác biệt trọng yếu, kiểm toán viên sẽ:

- a. Thu thập thêm bằng chứng thứ ba và kết luận theo nguyên tắc đa số thắng thiểu số.
- b. Dựa trên bằng chứng có độ cao nhất.
- c. Tìm hiểu và giải thích nguyên nhân trước khi đi đến kết luận.
- d. Cả ba câu trên đều đúng.

121. Hoạt động liên tục là:

- a. Doanh nghiệp không có ý định ngừng hoạt động trong tương lai gần
- b. Không bị buộc phải ngừng hoạt động
- c. Không thu hẹp đáng kể quy mô hoạt động của mình
- d. Câu a, c đúng
- e. Cả 03 câu a,b,c đều đúng.

122. Các chuẩn mực kiểm toán chỉ ra:

- a. Những điều kiểm toán viên không được làm.
- b. Chất lượng công việc kiểm toán viên phải đạt được.
- c. Khối lượng công việc kiểm toán viên phải thực hiện.
- d. Các kỹ thuật kiểm toán viên có thể áp dụng.

123. Các chuẩn mực về đạo đức nghề nghiệp mà kiểm toán viên phải tuân thủ là:

- a. Độc lập

Câu hỏi trắc nghiệm môn kiểm toán

- b. Chính trực
 - c. Khách quan
 - d. Năng lực chuyên môn và tính thận trọng
 - e. Tính bí mật
 - f. Tư cách nghề nghiệp.
 - g. Tuân thủ chuẩn mực chuyên môn
 - h. Tất cả các câu trên đều đúng.
- 124. Chuẩn mực kiểm toán Việt nam (VSA) được soạn thảo:**
- a. Trên cơ sở chấp nhận toàn bộ các chuẩn mực kiểm toán quốc tế.
 - b. Trên cơ sở thực tiễn hoạt động của kiểm toán Việt nam có tham khảo chuẩn mực thông lệ quốc tế.
 - c. Trên cơ sở tập hợp trí tuệ và kinh nghiệm của các chuyên gia kiểm toán Việt nam
 - d. Trên cơ sở chuẩn mực kiểm toán quốc tế có điều chỉnh để phù hợp với thực tiễn Việt nam.
- 125. Chuẩn mực kiểm toán là:**
- a. Các thủ tục cần thiết để thu thập bằng chứng
 - b. Thước đo chất lượng công việc của KTV
 - c. Các công việc kiểm toán mà KTV phải thực hiện khi kiểm toán
 - d. Các mục tiêu kiểm toán phải tuân theo.
- 126. Chuẩn mực kiểm toán Quốc tế (ISA), được ban hành để:**
- a. Tất cả các nước trên thế giới bắt buộc áp dụng.
 - b. Là cơ sở để các Quốc gia vận dụng để xây dựng chuẩn mực kiểm toán quốc gia riêng mình cho phù hợp
 - c. Không được áp dụng, chỉ để các nước tham khảo
 - d. Các câu trên đều sai.
- 127. Tại Việt nam, việc ban hành các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam (VSA) được ban hành bởi:**
- a. Hội kế toán Việt nam
 - b. Bộ tài chính
 - c. Chính phủ
 - d. Tất cả các câu trên đều đúng.
- 128. Việc ban hành chuẩn mực kiểm toán quốc tế – ISA – do ai ban hành:**

Câu hỏi trắc nghiệm môn kiểm toán

- a. Liên đoàn kế toán Quốc tế – IFAC
- b. Ủy ban về chuẩn mực kế toán Quốc tế – IASC
- c. Các Quốc gia trên thế giới cùng họp lại, thảo luận và ban hành
- d. Các câu trên đều đúng.

129. Số hiệu của chuẩn mực kiểm toán Việt Nam (VSA) thì:

- a. Phù hợp với số hiệu của các ISA
- b. Theo quy định riêng của Việt nam.
- c. Theo thứ tự thời gian ban hành.
- d. Câu câu trên đều sai
- e. Các câu trên đều đúng.

130. VSA là từ viết tắt của:

- a. Chuẩn mực kiểm toán Việt nam (Vietnamese Standards on Auditing)
- b. Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Vietnamese Accounting Standards)
- c. Cả hai câu a,b đều đúng
- d. Các hai câu a,b đều sai.

131. Kiểm toán viên phải tuân thủ các nguyên tắc đạo đức nghề nghiệp để:

- a. Bảo vệ quyền lợi chính đáng hợp pháp của khách hàng mà mình kiểm toán.
- b. Không bị thu hồi chứng chỉ kiểm toán viên.
- c. Được người sử dụng kết quả kiểm toán (cổ đông, nhà đầu tư, ngân hàng ...) tin cậy
- d. Cả ba câu trên đều đúng.

132. Kiểm toán viên phải chịu trách nhiệm về việc:

- a. Bảo đảm báo cáo tài chính đã kiểm toán là hoàn toàn chính xác.
- b. Phát hiện mọi gian lận và sai sót trong báo cáo tài chính của đơn vị.
- c. Thực hiện đầy đủ các kỹ năng kiểm toán với một sự thận trọng nghề nghiệp cao.
- d. Phát hiện gian lận và sai sót của nhân viên đơn vị.

133. Để giảm bớt trách nhiệm của mình, KTV nên:

- a. Nghiên cứu kỹ lưỡng hệ thống kế toán và lập kế hoạch kiểm toán chu đáo.
- b. Tuân thủ các chuẩn mực kiểm toán
- c. Phát hành báo cáo kiểm toán “chấp nhận toàn phần”
- d. Luôn tham khảo ý kiến của luật sư

134. Đạo đức nghề nghiệp là vấn đề chủ yếu mà:

Nguyễn Trọng Phương

Câu hỏi trắc nghiệm môn kiểm toán

- a. KTV cần tuân theo nhằm bảo vệ uy tín nghề nghiệp.
 - b. KTV được khuyến khích thực hiện để được khen thưởng.
 - c. KTV phải chấp hành vì đó là đòi hỏi, yêu cầu của luật pháp.
 - d. Cả 3 câu trên đều đúng.
- 135. KTV có trách nhiệm bảo mật thông tin của khách hàng, chủ yếu là do:**
- a. Luật pháp quy định
 - b. Đạo đức nghề nghiệp
 - c. Hợp đồng kiểm toán
 - d. 3 câu trên đều đúng.
- 136. Kiểm toán viên chịu trách nhiệm về việc:**
- a. Bảo đảm báo cáo tài chính đã kiểm toán là không còn sai sót trọng yếu chưa được phát hiện.
 - b. Phát hiện và thông báo kịp thời mọi gian lận và sai sót trong báo cáo tài chính của đơn vị cho Hội đồng quản trị.
 - c. Phát hiện mọi sự thông đồng của nhân viên đơn vị (nếu có)
 - d. Còn tồn tại các yếu kém của hệ thống kiểm soát nội bộ của khách hàng.
- 137. Kiểm toán viên có trách nhiệm:**
- a. Chuẩn bị các thông tin, số liệu về báo cáo tài chính
 - b. Kiểm tra các thông tin về BCTC
 - c. Cả hai công việc trên
 - d. Không phải một trong các công việc trên
- 138. Câu nào dưới đây giải thích đúng nhất tại sao một kiểm toán viên được yêu cầu đưa ra ý kiến về sự trình bày trung thực và hợp lý của báo cáo tài chính:**
- a. Khó có thể lập một báo cáo tài chính trong đó trình bày trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động của công ty mà không cần một sự giúp đỡ của một kiến toán viên độc lập.
 - b. Trách nhiệm của nhà quản lý là tìm kiếm sự trợ giúp độc lập từ việc đánh giá thông tin trình bày trên báo cáo tài chính.
 - c. Cần thiết ý kiến của một bên thứ ba độc lập bởi công ty không thể khách quan trong những việc liên quan đến báo cáo tài chính của mình.
 - d. Yêu cầu thông thường của các cổ đông của công ty là muốn nhận được báo cáo độc lập về công việc quản trị của các nhà quản lý.
- 139. Phạm vi kiểm toán là:**
-

Nguyễn Trọng Phương



- a. Mức độ mà kiểm toán viên thực hiện việc kiểm tra trên một số dư tài khoản hay một loại nghiệp vụ cụ thể.
- b. Số lượng các khoản mục mà kiểm toán viên kiểm tra trên báo cáo tài chính.
- c. Những thủ tục và công việc kiểm toán cần thiết mà kiểm toán viên phải xác định và thực hiện trong quá trình kiểm toán để đạt được mục tiêu kiểm toán.
- d. Tất cả các câu trên.

140. Hợp đồng kiểm toán:

- a. Là sự thỏa thuận bằng văn bản giữa các bên tham gia ký kết (công ty kiểm toán, khách hàng) về các điều khoản và điều kiện thực hiện kiểm toán.
- b. Hợp đồng kiểm toán phải tuân theo pháp lệnh về Hợp đồng kinh tế
- c. Hợp đồng kiểm toán phải tuân theo Chuẩn mực kiểm toán
- d. Cả 3 câu trên đều đúng.

141. Hồ sơ kiểm toán là:

- a. Các tài liệu do kiểm toán viên thu thập, tập hợp, sử dụng nhằm đưa ra ý kiến chính xác
- b. Là các tài liệu do kiểm toán viên thu thập, tập hợp, sử dụng để kết luận sai phạm của đơn vị
- c. Là các tài liệu do kiểm toán viên thu thập, tập hợp, sử dụng nhằm chứng minh đơn vị thực hiện đúng chế độ nhà nước.
- d. Là các tài liệu do kiểm toán viên lập, thu thập phân loại, sử dụng và lưu trữ cho mục đích kiểm toán.

142. Điều nào sau đây không phải là mục đích của hồ sơ kiểm toán:

- a. Làm cơ sở cho báo cáo tài chính đã kiểm toán.
- b. Chứng minh rằng cuộc kiểm toán đã tiến hành phù hợp với các chuẩn mực kiểm toán.
- c. Trợ giúp cho việc xử lý các phát sinh sau cuộc kiểm toán.
- d. Làm cơ sở cho báo cáo kiểm toán của kiểm toán viên.

143. Khi tiếp nhận một khách hàng thì công ty kiểm toán:

- a. Tiếp nhận ngay
- b. Ký ngay hợp đồng kiểm toán
- c. Ký cam kết thực hiện kiểm toán với khách hàng
- d. Phải tìm hiểu kỹ về khách hàng để quyết định xem có nhận lời kiểm toán hay không.

Câu hỏi trắc nghiệm môn kiểm toán

144. Đối với khách hàng cũ, năm sau:

- a. Năm sau tiếp tục ký hợp đồng kiểm toán.
- b. Đánh giá lại khách hàng xem nên tiếp tục thực hiện kiểm toán hay không.
- c. Cử kiểm toán viên nhiều kinh nghiệm đến làm việc và ký tiếp hợp đồng kiểm toán.
- d. Cả 3 câu trên đều đúng.

145. Chương trình kiểm toán là:

- a. Những định hướng cơ bản;
- b. Chi tiết về nội dung, lịch trình, phạm vi dự kiến;
- c. Những chỉ dẫn những công việc kiểm toán phải thực hiện;
- d. Cả 3 câu trên đều đúng.

146. Công việc nào thuộc chương trình kiểm toán:

- a. Chứng kiến kiểm kê khi tiến hành kiểm toán hàng tồn kho.
- b. Các định hướng của toàn bộ cuộc kiểm toán.
- c. Kế hoạch mời các chuyên gia phối hợp cùng kiểm toán.
- d. Xác định các vùng rủi ro chủ yếu.

147. Mục đích của việc lập kế hoạch kiểm toán nhằm:

- a. Đảm bảo bao quát hết các khía cạnh trọng yếu;
- b. Phát hiện gian lận, rủi ro, những vấn đề tiềm ẩn;
- c. Đảm bảo công việc kiểm toán hoàn thành đúng kế hoạch
- d. Cả 3 câu trên (a, b, c) đều đúng
- e. Cả 3 câu trên (a, b, c) đều sai.

148. Kế hoạch kiểm toán trợ giúp KTV:

- a. Phân công công việc cho các trợ lý kiểm toán;
- b. Phối hợp với các KTV khác
- c. Phối hợp với chuyên gia
- d. Cả 3 câu trên (a, b, c) đều đúng
- e. Cả 3 câu trên (a, b, c) đều sai.

149. Kế hoạch kiểm toán:

- a. Bắt buộc phải lập cho mọi cuộc kiểm toán
- b. Không cần lập cho các cuộc kiểm toán
- c. Chỉ lập cho các cuộc kiểm toán lớn về quy mô
- d. Chỉ lập cho các cuộc kiểm toán có địa bàn hoạt động rộng.

150. Kế hoạch chiến lược là:

- a. Những định hướng cơ bản;
- b. Chi tiết về nội dung, lịch trình, phạm vi dự kiến;
- c. Những chỉ dẫn những công việc kiểm toán phải thực hiện;
- d. Cả 3 câu trên đều đúng.

151. Kế hoạch chiến lược phải được lập:

- a. Cho mọi cuộc kiểm toán
- b. Những cuộc kiểm toán có tính chất phức tạp;
- c. Không cần thiết phải lập kế hoạch kiểm toán;
- d. Cả 3 câu trên đều sai.

152. Kế hoạch chiến lược do:

- a. Kiểm toán viên chính lập
- b. Trợ lý kiểm toán viên lập
- c. Cấp chỉ đạo lập
- d. Cả 3 câu trên đều đúng.

153. Kế hoạch tổng thể là:

- a. Những định hướng cơ bản;
- b. Chi tiết về nội dung, lịch trình, phạm vi dự kiến;
- c. Những chỉ dẫn những công việc kiểm toán phải thực hiện;
- d. Cả 3 câu trên đều đúng.

154. Yêu cầu của kế hoạch tổng thể:

- a. Phải được lập cho mọi cuộc kiểm toán;
- b. Mô tả phạm vi dự kiến, cách thức tiến hành công việc;
- c. Phải đầy đủ, chi tiết;
- d. Cả 3 câu trên đều đúng.

155. Kế hoạch tổng thể phải trình bày:

- a. Hoạt động của đơn vị;
- b. Hạch toán kế toán và hệ thống kiểm soát nội bộ của khách hàng;
- c. Đánh giá rủi ro và mức trọng yếu;
- d. Nội dung, lịch trình; phạm vi các thủ tục kiểm toán;
- e. Sự phối hợp, chỉ đạo, giám sát, kiểm tra cũng như các vấn đề có liên quan;
- f. Các câu trên đều đúng.

156. Báo cáo kiểm toán là:

Câu hỏi trắc nghiệm môn kiểm toán

- a. Là báo cáo bằng văn bản do kiểm toán viên lập nhằm công bố những nhận xét của mình về báo cáo tài chính đã được kiểm toán
 - b. Là báo cáo bằng văn bản do kiểm toán viên và công ty kiểm toán lập dựa trên báo cáo tài chính của đơn vị.
 - c. Là báo cáo bằng văn bản do kiểm toán viên và công ty kiểm toán lập và công bố nhằm nêu rõ chính kiến của mình về báo cáo tài chính đã được kiểm toán.
 - d. Là báo cáo bằng văn bản do công ty kiểm toán lập và công bố nhằm nêu rõ chính kiến của mình về báo cáo tài chính đã được kiểm toán.
- 157. Trong báo cáo kiểm toán, có đoạn “chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính của đơn vị”, đó là:**
- a. Phạm vi kiểm toán
 - b. Đối tượng kiểm toán
 - c. Mục tiêu kiểm toán
 - d. Cơ sở kiểm toán
- 158. Trong báo cáo kiểm toán, phần nội dung về đối tượng kiểm toán, kiểm toán viên đề cập về:**
- a. Chuẩn mực, chế độ kế toán áp dụng
 - b. Chuẩn mực kiểm toán áp dụng
 - c. Thông tin được kiểm tra
 - d. Những giới hạn trong quá trình kiểm toán.
- 159. Trong Báo cáo kiểm toán, việc ký tên trên báo cáo kiểm toán gồm:**
- a. Giám đốc công ty kiểm toán;
 - b. Giám đốc công ty kiểm toán, kiểm toán viên;
 - c. Giám đốc công ty kiểm toán, kiểm toán viên; trợ lý kiểm toán viên;
 - d. Giám đốc công ty kiểm toán, kiểm toán viên; trợ lý kiểm toán viên, giám đốc đơn vị được kiểm toán.
- 160. Kiểm toán viên phát hành báo cáo kiểm toán loại “Ý kiến từ chối” khi:**
- a. Có đầy đủ bằng chứng để kết luận
 - b. Không có đủ bằng chứng để kết luận
 - c. Có đầy đủ bằng chứng để kết luận là “ báo cáo tài chính trung thực, hợp lý”
 - d. Các câu trên đều sai.
- 161. KTV độc lập phát hành báo cáo kiểm toán loại “ý kiến trái ngược” khi:**
- a. Phạm vi kiểm toán bị giới hạn nghiêm trọng;



- b. Có vi phạm rất nghiêm trọng về tính trung thực trong báo cáo tài chính và không thể báo cáo kiểm toán loại chấp nhận có loại trừ;
- c. KTV không thể thực hiện đầy đủ các thủ tục kiểm toán để đánh giá về toàn bộ tổng thể báo cáo tài chính;
- d. Có vấn đề không rõ ràng không liên quan đến tương lai đơn vị và báo cáo chấp nhận có loại trừ thì không phù hợp.

162. Đối với báo cáo kiểm toán loại chấp nhận từng phần, người sử dụng báo cáo tài chính nên hiểu rằng:

- a. KTV không thể nhận xét toàn bộ báo cáo tài chính;
- b. Có một vấn đề chưa rõ ràng xảy ra sau ngày kết thúc niên độ, nhưng trước ngày ký báo cáo kiểm toán;
- c. Nghi vấn về việc khái niệm hoạt động liên tục bị vi phạm;
- d. Báo cáo tài chính có nhiều điểm nghi vấn sai phạm trọng yếu.

163. KTV phát hành báo cáo kiểm toán loại “ý kiến từ chối” khi:

- a. Có sự vi phạm trọng yếu các chuẩn mực kế toán trong trình bày báo cáo tài chính;
- b. Có sự thay đổi quan trọng về chính sách kế toán của đơn vị;
- c. Có những nghi vấn trọng yếu về các thông tin tài chính và KTV không thể kiểm tra;
- d. 3 câu trên đều đúng.

164. Đối với báo cáo kiểm toán loại chấp nhận từng phần, người sử dụng báo cáo tài chính nên hiểu rằng:

- a. KTV không thể nhận xét toàn bộ báo cáo tài chính;
- b. Có một vấn đề chưa rõ ràng xảy ra sau ngày kết thúc niên độ, nhưng trước ngày ký báo cáo kiểm toán;
- c. Nghi vấn về việc khái niệm hoạt động liên tục bị vi phạm;
- d. 3 câu trên đều sai.

165. Doanh nghiệp bị lỗ liên tục là ví dụ về:

- a. Giả định hoạt động liên tục bị vi phạm
- b. Sự kiện xảy ra sau ngày ngày kết thúc niên độ
- c. Sự kiện xảy ra trước ngày kết thúc niên độ
- d. Các khoản nợ ngoài dự kiến.

Câu hỏi trắc nghiệm môn kiểm toán

166. Kiểm toán viên phát hành báo cáo kiểm toán loại “Ý kiến không chấp nhận” khi nhận thấy:

- a. Phạm vi kiểm toán bị giới hạn nghiêm trọng.
- b. Kiểm toán viên không thể thực hiện đầy đủ các thủ tục kiểm toán để đánh giá về toàn bộ tổng thể báo cáo tài chính.
- c. Có vi phạm rất nghiêm trọng về tính trung thực của nhiều khoản mục trong báo cáo tài chính và không thể phát hành báo cáo kiểm toán loại “chấp nhận từng phần”.
- d. Cả 3 câu trên đều sai.

167. Kiểm toán viên phát hành báo cáo kiểm toán loại “từ chối cho ý kiến” khi nhận thấy:

- a. Có sự vi phạm trọng yếu các chuẩn mực kế toán trình bày trong báo cáo tài chính.
- b. Có rất nhiều nghi vấn trọng yếu về các thông tin tài chính mà kiểm toán viên không thể kiểm tra.
- c. Có sự thay đổi quan trọng về chính sách kế toán của đơn vị.
- d. Cả 3 câu trên đều đúng.

168. Kiểm toán viên phát hành báo cáo kiểm toán loại “chấp nhận toàn phần” khi nhận thấy:

- a. Không có bất kỳ một sai sót nào dù rất nhỏ trên các báo cáo tài chính.
- b. Không có bất kỳ gian lận nào trong toàn bộ công tác kế toán của niên độ báo cáo tài chính.
- c. Các báo cáo tài chính đã được thể hiện một cách trung thực và hợp lý trên khía cạnh trọng yếu.
- d. Cả 3 câu trên đều đúng.

169. Ngay sau ngày kết thúc niên độ, đơn vị vướng vào một vụ kiện chưa xét xử mà số tiền có thể phải trả trong vụ này chưa ước tính được một cách hợp lý. Thuyết minh báo cáo tài chính đã khai báo đầy đủ vấn đề này, kiểm toán viên đưa ra ý kiến:

- a. Chấp nhận toàn phần.
- b. Chấp nhận từng phần (ý kiến loại trừ)
- c. Ý kiến không chấp nhận.
- d. Từ chối cho ý kiến.

170. Sự giới hạn nghiêm trọng phạm vi kiểm toán có thể dẫn đến việc kiểm toán viên phát hành báo cáo kiểm toán loại “ý kiến”:

Câu hỏi trắc nghiệm môn kiểm toán

- a. Chấp nhận toàn phần.
 - b. Chấp nhận từng phần (ý kiến loại trừ)
 - c. Ý kiến không chấp nhận.
 - d. Từ chối cho ý kiến.
- 171. Báo cáo kiểm toán loại đưa ra ý kiến “... ..” giúp tăng cường sự tin nhiệm đối với các báo cáo tài chính:**
- a. Chấp nhận toàn phần.
 - b. Chấp nhận từng phần (ý kiến loại trừ)
 - c. Ý kiến không chấp nhận.
 - d. Từ chối cho ý kiến.
- 172. Báo cáo kiểm toán có ý kiến “... ..” sẽ được ban hành nếu kiểm toán viên tin rằng báo cáo tài chính không đúng với các nguyên tắc trên các phương diện rất quan trọng:**
- a. Chấp nhận toàn phần.
 - b. Chấp nhận từng phần (ý kiến loại trừ)
 - c. Ý kiến không chấp nhận.
 - d. Từ chối cho ý kiến.
- 173. Sau khi đã phát hành báo cáo kiểm toán “chấp nhận toàn bộ”, kiểm toán viên mới nhận thấy có sai sót trọng yếu còn tồn tại trên báo cáo tài chính, việc đầu tiên kiểm toán viên cần làm là:**
- a. Hủy ý kiến luật sư để vô hiệu hóa báo cáo kiểm toán đó.
 - b. Thông báo với đơn vị thực hiện việc điều chỉnh báo cáo kiểm toán.
 - c. Ra văn bản thông báo vô hiệu hóa báo cáo kiểm toán đó trên các phương tiện thông tin đại chúng.
 - d. Thông báo với các cơ quan pháp luật và quản lý nhà nước về vấn đề này.
- 174. Khi một khách hàng nợ phải thu bị phá sản (có số nợ lớn) trước ngày lập báo cáo kiểm toán, sau ngày kết thúc niên độ, là sự kiện:**
- a. Phải điều chỉnh Báo cáo tài chính
 - b. Không cần phải điều chỉnh Báo cáo tài chính
 - c. Phải căn cứ vào tình hình thực tế lãi lỗ để điều chỉnh
 - d. Không làm gì cả.
- 175. Kiểm toán viên đã không được tham gia chứng kiến việc kiểm kê quỹ tiền mặt của đơn vị vào ngày kết thúc niên độ. Với những tài liệu hiện có tại đơn vị,**

Câu hỏi trắc nghiệm môn kiểm toán

kiểm toán viên không thể tiến hành thủ tục kiểm toán thay thế để có thể kiểm tra tính đúng đắn của các số liệu về tồn quỹ nói trên:

- a. Chấp nhận toàn phần.
- b. Chấp nhận từng phần (ý kiến loại trừ)
- c. Ý kiến không chấp nhận.
- d. Từ chối cho ý kiến.

176. Đơn vị không đưa vào khoản mục tài sản cố định trên bảng Cân đối kế toán một số tài sản cố định thuê tài chính thay vào đó lại khai báo trong phần thuyết minh về các khoản nợ sẽ phát sinh do thuê tài chính. Theo kiểm toán viên, việc này là vi phạm chế độ kế toán hiện hành, kiểm toán viên đưa ra ý kiến:

- a. Chấp nhận toàn phần.
- b. Chấp nhận từng phần (ý kiến loại trừ)
- c. Ý kiến không chấp nhận.
- d. Từ chối cho ý kiến.

177. Mục đích của thư giải trình của Giám đốc là:

- a. Giới thiệu tổng quát về tổ chức nhân sự, quyền lợi và trách nhiệm của đơn vị.
- b. Giúp KTV tránh khỏi các trách nhiệm về pháp lý đối với cuộc kiểm toán.
- c. Nhắc nhở nhà quản lý đơn vị về trách nhiệm của họ đối với báo cáo tài chính.
- d. Xác nhận bằng văn bản sự chấp nhận của nhà quản lý về giới hạn của phạm vi kiểm toán.

178. Thư trả lời của khách hàng xác nhận đồng ý sẽ cung cấp bằng chứng chủ yếu về:

- a. Khả năng thu hồi được món nợ đó.
- b. Khoản phải thu đó được đánh giá đúng.
- c. Khoản phải thu đó là có thực
- d. Câu b và c đúng.

179. Trong một cuộc kiểm toán, kiểm toán viên phải có được thư giải trình của quản lý, điều nào dưới đây không phải là mục đích của thư này:

- a. Tiết kiệm chi phí kiểm toán bằng cách giảm bớt một số thủ tục kiểm toán như: quan sát, kiểm tra và xác nhận.
- b. Nhắc nhở nhà quản lý đơn vị về trách nhiệm cá nhân của họ đối với báo cáo tài chính.

Câu hỏi trắc nghiệm môn kiểm toán

- c. Lưu trữ trong hồ sơ kiểm toán về những giải trình bằng lời của đơn vị trong quá trình kiểm toán.
 - d. Cung cấp thêm bằng chứng về những dự tính tương lai của đơn vị.
- 180. Chương trình kiểm toán thiết kế các thủ tục kiểm toán:**
- a. Thử nghiệm kiểm soát;
 - b. Thử nghiệm chi tiết;
 - c. Thủ tục phân tích;
 - d. Cả 3 câu trên đều đúng.
- 181. Kiểm toán viên thiết kế và thực hiện các thử nghiệm kiểm soát khi:**
- a. Hệ thống kiểm soát nội bộ của đơn vị yếu kém.
 - b. Rủi ro kiểm soát được đánh giá là cao.
 - c. Cần thu thập bằng chứng về sự hữu hiệu của hệ thống kiểm soát nội bộ.
 - d. Cả 3 câu trên đều đúng.
- 182. Thử nghiệm chi tiết là việc thực hiện:**
- a. Chọn các nghiệp vụ cần kiểm tra;
 - b. Kiểm tra chi tiết các tài liệu, chứng từ của từng nghiệp vụ đã chọn, và xem xét quá trình luân chuyển của các chứng từ;
 - c. Đánh giá và xác định số dư cuối kỳ;
 - d. Tuân tự thực hiện theo các bước trên.
- 183. Kiểm toán viên sẽ tăng cường các thử nghiệm cơ bản nếu:**
- a. Mức rủi ro phát hiện thấp.
 - b. Rủi ro tiềm tàng và rủi ro kiểm soát được đánh giá cao.
 - c. Hệ thống kiểm soát nội bộ được đánh giá là yếu kém.
 - d. Cả 3 câu trên đều đúng.
- 184. Thí dụ nào sau đây là của thử nghiệm kiểm soát:**
- a. Gửi thư xác nhận đến ngân hàng.
 - b. Kiểm kê quỹ tiền mặt.
 - c. Kiểm tra chữ ký xét duyệt trên phiếu chi.
 - d. Tính tốc độ luân chuyển hàng tồn kho.
- 185. Kiểm toán viên sẽ không tiến hành thử nghiệm kiểm soát nếu:**
- a. Đánh giá ban đầu về rủi ro kiểm toán được đánh giá là cao.
 - b. Hệ thống kiểm soát nội bộ được đánh giá là hữu hiệu.
 - c. Rủi ro tiềm tàng được đánh giá là thấp.

Câu hỏi trắc nghiệm môn kiểm toán

- d Kiểm toán viên luôn thực hiện thử nghiệm kiểm soát để xác định phạm vi các thử nghiệm cơ bản

186. Thử nghiệm chi tiết là:



- a. Kiểm tra các nghiệp vụ;
- b. So sánh các thông tin với nhau;
- c. Kiểm tra các số dư;
- d. Câu a, c đều đúng.

187. Không phát hiện được sai sót trọng yếu về số tiền trên báo cáo tài chính, đó là rủi ro mà kiểm toán viên có thể giảm bớt bằng cách thực hiện:

- a. Thử nghiệm cơ bản.
- b. Đánh giá hệ thống kiểm soát nội bộ.
- c. Thử nghiệm kiểm soát.
- d. Yêu cầu đơn vị cung cấp thêm thư giải trình.

188. Sau khi hoàn thành các thử nghiệm kiểm soát thì:

- a. Kiểm toán viên không cần đánh giá lại rủi ro rủi ro kiểm soát
- b. Phải đánh giá lại rủi ro kiểm soát
- c. Xem xét lại các nguyên nhân sai phạm để đánh giá lại mức rủi ro kiểm soát
- d. Câu a, c đều đúng
- e. Các câu trên đều sai.

189. Kiểm tra sự tồn tại của các vật thế chấp cho các khoản vay bằng cách kiểm tra vật chất các tài sản này và kiểm tra tài liệu về quyền sở hữu:

- a. Thiết kế thủ tục kiểm soát.
- b. Thực hiện các thủ tục kiểm soát.
- c. Thử nghiệm sự tuân thủ các thủ tục kiểm soát.
- d. Đánh giá thủ tục kiểm soát.

190. Khi tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính năm trước, kiểm toán viên có thể:

- a. Tiến hành kiểm kê tiền mặt vào ngày 31/12 năm tài chính kiểm toán
- b. Có thể tiến hành kiểm kê vào thời điểm kiểm toán để cộng trừ lùi.
- c. Không cần tiến hành kiểm kê mà chỉ có thể căn cứ vào số liệu trên sổ kế toán đơn vị để nhận xét khớp đúng.
- d. Câu a và b đều đúng

191. Khi kiểm toán tiền mặt, KTV tiến hành kiểm kê tiền mặt, đó là việc thu thập bằng chứng bằng phương pháp:

- a, Kiểm kê;



- b. Quan sát;
- c. Xác nhận;
- d. Tính toán;
- e. Phân tích.

192. Khi kiểm toán chi phí quản lý doanh nghiệp, KTV yêu cầu đơn vị trả lời bằng văn bản một số khoản chi bất thường, đó là việc thu thập bằng chứng bằng phương pháp:

- a. Kiểm kê
- b. Điều tra;
- c. Xác nhận;
- d. Tính toán;
- e. Phân tích.

193. Trong quá trình kiểm toán, KTV yêu cầu cho xem quy trình sản xuất, đó là việc thu thập bằng chứng bằng phương pháp:

- a. Kiểm tra;
- b. Quan sát;
- c. Xác nhận;
- d. Tính toán;
- e. Phân tích.

194. Khi kiểm toán báo cáo tài chính, KTV so sánh số liệu giữa đơn vị với các chỉ số bình quân của ngành, đó là việc thu thập bằng chứng bằng phương pháp:

- a. Kiểm tra;
- b. Quan sát;
- c. Xác nhận;
- d. Tính toán;
- e. Phân tích.

195. Kiểm tra chứng từ bằng cách:

- a. Từ kết luận có trước, kiểm tra hồ sơ để làm cơ sở cho kết luận đó;
- b. Từ nghiệp vụ kinh tế phát sinh, kiểm tra việc ghi chép chứng trên sổ;
- c. Từ sổ kế toán, sau đó quay về chứng từ gốc để kiểm tra;
- d. Cả 3 câu trên đều đúng.

196. Để chứng minh mọi nghiệp vụ kinh tế phát sinh đều đã ghi vào sổ, KTV:



Câu hỏi trắc nghiệm môn kiểm toán

- a. Kiểm tra từ chứng từ gốc để kiểm tra việc ghi chép chứng trên sổ;
 - b. Từ sổ kế toán, quay về chứng từ gốc có liên quan để kiểm tra;
 - c. Kiểm tra các bằng chứng làm cơ sở cho kết luận có trước đó;
 - d. Các câu trên đều sai.
197. Lấy mẫu kiểm toán là:
- a. Kiểm tra toàn bộ các nghiệp vụ kinh tế phát sinh;
 - b. Chọn lựa các phần tử có giá trị từ một số tiền nào đó trở lên;
 - c. Kiểm tra ít hơn 100%, và các nghiệp vụ đều có khả năng được chọn.
 - d. Các câu trên đều sai.
198. Camera giám sát được đặt trong Cửa hàng, là thủ tục kiểm soát:.....
- a. Ngăn ngừa
 - b. Phát hiện
 - c. Điều chỉnh
 - d. Hướng dẫn
199. Nhân viên kiểm tra một sec nhận được có đầy đủ nội dung không? Là thủ tục kiểm soát:.....
- a. Ngăn ngừa
 - b. Phát hiện
 - c. Điều chỉnh
 - d. Hướng dẫn
200. Đối với các sec có số tiền trên 500.000 đồng, phải trình người quản lý kiểm tra, người này kiểm tra toàn bộ nội dung sec và xem bảng kê tên các nhân vật thường trả sec không có số dư, là thủ tục kiểm soát:.....
- a. Ngăn ngừa
 - b. Phát hiện
 - c. Điều chỉnh
 - d. Hướng dẫn
201. Các trường hợp dùng thẻ Tín dụng thanh toán số tiền lớn hơn 500.000 đồng, phải điện thoại xác minh số thẻ, là thủ tục kiểm soát:.....
- a. Ngăn ngừa
 - b. Phát hiện
 - c. Điều chỉnh
 - d. Hướng dẫn
202. Cuối ngày, tổng doanh thu bán hàng được so sánh với số tiền mặt thu được, các sec và các phiếu bán hàng bằng thẻ Tín dụng, là thủ tục kiểm soát:.....
- a. Ngăn ngừa
 - b. Phát hiện
 - c. Điều chỉnh

Nguyễn Trọng Phương

Câu hỏi trắc nghiệm môn kiểm toán

- d. Hướng dẫn
203. Kế toán tiến hành so sánh dữ liệu hàng tuần giữa kế hoạch và thực tế sản xuất là thủ tục kiểm soát:.....
- Ngăn ngừa
 - Phát hiện
 - Điều chỉnh
 - Hướng dẫn
204. Tính toán lại các phép tính số học (cộng trừ nhân chia) trên các hóa đơn bán hàng trước khi giao cho khách hàng, là thủ tục kiểm soát:.....
- Ngăn ngừa
 - Phát hiện
 - Điều chỉnh
 - Hướng dẫn
205. Kiểm tra lại các phép tính, nội dung, mã số GTGT trên các hóa đơn mua hàng trước khi thanh toán và hạch toán, là thủ tục kiểm soát:.....
- Ngăn ngừa
 - Phát hiện
 - Điều chỉnh
 - Hướng dẫn
206. Đối với các khoản thanh toán có giá trị trên 10.000.000 đ, yêu cầu phải được GĐ duyệt, là thủ tục kiểm soát:.....
- Ngăn ngừa
 - Phát hiện
 - Điều chỉnh
 - Hướng dẫn
207. Đối với mọi khoản thanh toán công tác phí, mua văn phòng phẩm... của nhân viên, yêu cầu phải có chữ ký duyệt của trưởng bộ phận phụ trách trực tiếp trên phiếu đề nghị thanh toán trước khi chuyển cho phòng kế toán, là thủ tục kiểm soát:.....
- Ngăn ngừa
 - Phát hiện
 - Điều chỉnh
 - Hướng dẫn
208. Kế toán trường hàng tuần đều rà soát lại các báo cáo chi tiết chi phí, là thủ tục kiểm soát:.....
- Ngăn ngừa
 - Phát hiện
 - Điều chỉnh
 - Hướng dẫn



Câu hỏi trắc nghiệm môn kiểm toán

209. Mọi cuộc điện thoại đường dài của nhân viên công ty đều phải thông qua bộ phận tổng đài chứ không được gọi trực tiếp, là thủ tục kiểm soát:.....

- a. Ngăn ngừa
- b. Phát hiện
- c. Điều chỉnh
- d. Hướng dẫn
- a. Hướng dẫn

210. Siêu thị Co-op Mart yêu cầu mọi khách hàng phải gỡ túi xách trước khi bước vào khu vực các quầy hàng, là thủ tục kiểm soát:.....

- a. Ngăn ngừa
- b. Phát hiện
- c. Điều chỉnh
- d. Hướng dẫn